

THU HÚT FDI TRONG LĨNH VỰC DỊCH VỤ: KINH NGHIỆM VÀ GIẢI PHÁP CHO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

LÊ THỊ KIM HẢI*

1. Một số vấn đề lý luận về dịch vụ và sự cần thiết của việc thu hút FDI để phát triển các lĩnh vực dịch vụ

Khi kinh tế càng phát triển thì vai trò của dịch vụ ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, dịch vụ đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khác nhau từ kinh tế học đến văn hóa học, luật học, từ hành chính học đến khoa học quản lý. Do vậy, từ những quan điểm khác nhau, có thể hiểu, "dịch vụ là các lao động của con người được kết tinh trong các sản phẩm vô hình nhằm thỏa mãn những nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của con người".

Dịch vụ hiện nay được xem là ngành kinh tế đóng vai trò mũi nhọn đem lại nguồn thu nhập đáng kể. Tuy nhiên, để khu vực dịch vụ phát triển tốt và bền vững thì cần đầu tư xây dựng các sản phẩm dịch vụ hấp dẫn đủ sức cạnh tranh trên thị trường và có công tác tuyên truyền, quảng bá phù hợp. Một sản phẩm dịch vụ toàn diện phải bao gồm các yếu tố: tăng trưởng, tài nguyên, môi trường, cơ sở vật chất kỹ thuật và lao động.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) bổ sung một nguồn vốn hết sức quan trọng cho các ngành dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng ngành, tạo nhiều việc làm, chuyển dịch cơ cấu theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bên cạnh đó, việc dòng vốn FDI chảy vào khu vực dịch vụ đem lại nhiều tác động tích cực: bổ sung nguồn vốn cho khu vực dịch vụ, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế, tiếp nhận chuyển giao công nghệ hiện đại, kỹ xảo chuyên môn và phát triển khả năng công nghệ nội địa trong khu vực dịch vụ, tạo cho lớp trẻ cách nhìn năng động về cơ chế thị trường khi đội ngũ lao động làm việc trong các công ty dịch vụ nước ngoài được tiếp xúc trực tiếp với công



nghệ tiên tiến, đưa các nhà đầu tư trong nước tiếp cận với thị trường thế giới, tăng tính cạnh tranh quốc tế đối với các doanh nghiệp dịch vụ trong nước, tạo động lực cho các doanh nghiệp này phát triển ngang tầm thế giới, tạo ra khoản thu lớn từ thuế cho ngân sách nhà nước phục vụ các dịch vụ y tế cộng đồng, giáo dục, bảo hiểm, an sinh xã hội, phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cao trình độ dân trí...

Thu hút FDI vào phát triển các ngành dịch vụ góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh tích lũy vốn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại

* ThS., Trường Cao đẳng Kinh tế - Kế hoạch Đà Nẵng.

hóa đất nước. Sự phát triển của các ngành dịch vụ sẽ là "giá đỡ" cho các ngành sản xuất vật chất tăng trưởng và phát triển. Do đó, thu hút FDI cho các ngành dịch vụ đem lại nhiều hiệu quả to lớn cho xã hội, là một yêu cầu cần thiết cho sự phát triển bền vững.

2. Kinh nghiệm của một số quốc gia và tình hình thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ tại Đà Nẵng

2.1. Kinh nghiệm thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ của một số quốc gia

** Thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ của Ấn Độ*

Để tạo lập sự khác biệt trong lợi thế cạnh tranh với các nước khác, Ấn Độ không chọn lao động giản đơn hay tài nguyên làm lợi thế so sánh của mình mà sử dụng tri thức làm chất "xúc tác", chọn dịch vụ làm lợi thế mạnh để phát triển kinh tế. Ấn Độ tập trung vào ngành công nghệ thông tin, dịch vụ tài chính - ngân hàng, phần mềm, dược phẩm... làm lĩnh vực mũi nhọn. Bên cạnh đó, quốc gia này còn tập trung vào việc đào tạo một lực lượng lao động kỹ thuật lớn với tay nghề cao đáp ứng tốt yêu cầu về trình độ cũng như ngoại ngữ của các nước đầu tư. Hàng năm, nước này tạo ra khoảng hơn 3 triệu cử nhân, trong đó cử nhân về kỹ thuật, y học và kinh doanh chiếm tỷ lệ lớn. Bên cạnh đó là những chính sách ưu đãi thu hút bộ phận Ấn kiều với mong muốn lấy lại phần nào nguồn chất xám bị mất trước đây. Chính nhờ chiến lược trên mà tổng số vốn FDI vào Ấn Độ gần đây liên tục tăng lên qua các năm.

Triển vọng phát triển kinh tế sáng sủa, cộng với chính sách nới lỏng cho các nhà đầu tư nước ngoài của chính phủ khiến các nhà đầu tư thế giới xem Ấn Độ là nơi đầu tư lý tưởng, từ đó nguồn vốn nước ngoài đổ vào Ấn Độ tăng lên rõ rệt. Tuy nhiên, việc thu hút một lượng lớn FDI khiến Ấn Độ phải chịu ảnh hưởng tiêu cực như: biến động kinh tế, chính trị, đặc



biệt là ô nhiễm môi trường đe dọa đến sự phát triển bền vững của quốc gia này. Vì vậy, Ấn Độ cũng đã có những biện pháp sàng lọc, điển hình như: dự án xây dựng nhà máy thép của Công ty Posco Hàn Quốc trị giá 12 tỷ USD đã bị từ chối do những sai sót nghiêm trọng liên quan đến môi trường và điều khoản tái định cư cho người dân địa phương. Điều này chứng tỏ Ấn Độ rất khắt khe trong quá trình lựa chọn các dự án đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, quốc gia này còn ngưng cấp giấy phép hoạt động đối với các dự án không đảm bảo tiêu chuẩn xử lý chất thải, gây tác động xấu tới môi trường. Những nhà lãnh đạo của Ấn Độ đã phát biểu rằng: "Chúng tôi không phản đối việc phát triển hoặc thực hiện các dự án lớn, nhưng phải đảm bảo các công ty cần tuân thủ đúng đắn các luật lệ về môi trường, điều mà trước tới nay họ thường xem nhẹ". Sự lựa chọn giữa phát triển kinh tế hay môi trường, phản ánh định hướng phát triển kinh tế của quốc gia đồng dân thứ hai trên thế giới và là bài học cần nghiên cứu cho các nền kinh tế đang phát triển khác để xây dựng một nền kinh tế bền vững trong tương lai.

** Thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ của Trung Quốc*

Trung Quốc là quốc gia châu Á có tốc độ tăng trưởng kinh tế đứng thứ nhất thế giới cả về tốc độ lẫn tính liên tục theo thời gian. Kể từ khi cam kết mở cửa, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, nhất là WTO (năm 1991), Trung Quốc đã tiến hành nhiều hoạt động nhằm thu hút nguồn vốn đầy mạnh phát triển kinh tế dịch vụ. Đó là:

- Rà soát và điều chỉnh có nguyên tắc các văn bản liên quan đến phát triển các ngành dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ quan trọng (dịch vụ luân chuyển vốn, dịch vụ viễn thông, dịch vụ khoa học công nghệ cao, dịch vụ giáo dục đào tạo...), định hướng phát triển toàn bộ nền kinh tế cũng như của bản thân ngành dịch vụ. Từ sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc đã rà soát tới 2.500 văn bản liên quan đến đầu tư nước ngoài, sửa đổi quy định một số luật liên quan (luật doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, luật doanh nghiệp liên doanh...), ban hành mới trên 40 văn bản liên quan trực tiếp đến ngành dịch vụ.

- Trong quá trình cải cách mở cửa, Trung Quốc thực hiện phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương (tỉnh, thành phố) phê duyệt dự án FDI tới 100 triệu USD (với dự án thuộc loại khuyến khích đầu tư) và 50 triệu USD (với dự án hạn chế đầu tư). Vì vậy, quy

trình thủ tục xét duyệt đầu tư vừa chặt chẽ vừa nhanh gọn, phù hợp với tiến trình cải cách hành chính của Trung Quốc. Thực tế là các thành phố lớn đều đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, rà soát lại các quy định về cấp giấy phép, tạo môi trường thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài. Đặc biệt là Bắc Kinh đã tiến hành rà soát lại trên 3.000 quy định của thành phố, bãi bỏ 26 quy định và có kế hoạch tiếp tục chỉnh sửa 40 quy định không phù hợp với tiến trình mở cửa hội nhập.

- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ trong nước, trên cơ sở tăng cường quản lý nhà nước, gia tăng sức mạnh nội lực thực sự của ngành dịch vụ khi thực hiện mở cửa hội nhập thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI). Trung Quốc tiến hành quản lý các ngành dịch vụ thông qua việc đổi mới, hoàn thiện các chính sách thương mại - dịch vụ, đẩy mạnh công cuộc cải cách hành chính từ trung ương đến địa phương, trong tất cả các cơ quan ban ngành nhằm xây dựng một nền hành chính hiệu quả, bảo đảm ngành dịch vụ mở cửa hội nhập quốc tế một cách chủ động. Đó mới chính là nền tảng trong mở cửa ngành dịch vụ, tạo đà thúc đẩy các ngành sản xuất vật chất: nông nghiệp, công nghiệp, nhất là ngành chế tạo công nghệ cao phát triển mạnh.

2.2. Đánh giá tình hình thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ tại Đà Nẵng thời gian qua

Theo báo cáo của Tổ công tác thực hiện đẩy mạnh thu hút đầu tư thành phố Đà Nẵng, trong quý I của năm 2021, lãnh đạo UBND thành phố Đà Nẵng đã trao Giấy Chứng nhận đăng ký đầu tư cho 06 dự án và văn bản chấp thuận chủ trương nghiên cứu đầu tư cho 1 dự án vào Khu công nghệ cao và các khu công nghiệp Đà Nẵng. Tổng vốn đăng ký hơn 280 triệu USD. Trong số các dự án được trao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư lần này, có 3 dự án vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đến từ Mỹ và Nhật Bản. Từ năm 2016 đến nay, Đà Nẵng thu hút được 163 dự án với tổng vốn 76.000 tỷ đồng, số dự án giảm nhưng vốn đầu tư tăng 43.000 tỷ đồng so với giai đoạn 4 năm trước đó; thu hút đầu tư nước ngoài hơn 530 dự án với tổng vốn 1,045 tỷ USD, tăng gấp đôi so với giai đoạn 2011 - 2015. Lũy kế đến nay, Đà Nẵng có 892 dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài với tổng vốn đầu tư trên 3,862 tỷ USD.

Ngoài ra, Chủ tịch UBND thành phố cũng đã ký Quyết định điều chỉnh Danh mục dự án trọng điểm,

thu hút đầu tư vào Đà Nẵng giai đoạn 2020 - 2025 gồm 57 dự án trọng điểm được Đà Nẵng tập trung thu hút trong giai đoạn này, trong đó có dự án tổng vốn đầu tư dự kiến lên đến 54.500 tỷ đồng. Bên cạnh đó, Đà Nẵng đang tích cực triển khai nhiều công trình trọng điểm như dự án phát triển bền vững thành phố với tổng vốn đầu tư 8.241 tỷ đồng; dự án khu công nghệ cao tổng mức đầu tư dự kiến hơn 8.841 tỷ đồng; dự án nhà máy nước Hòa Liên, dự án cải thiện hạ tầng giao thông thành phố, dự án khu công viên phần mềm số 2 - giai đoạn 1.

Hiện nay, Đà Nẵng đang tập trung thu hút FDI vào các lĩnh vực dịch vụ mũi nhọn nhằm phát triển bền vững kinh tế xã hội, cụ thể:

- Lĩnh vực giáo dục - đào tạo có 06 dự án gồm trường đào tạo liên cấp quốc tế (huyện Hòa Vang, diện tích 1,8 ha); trung tâm đào tạo kỹ năng quốc tế (huyện Hòa Vang, diện tích 46 ha) tổng vốn đầu tư dự kiến 227,7 tỷ đồng; khu đô thị đại học (quận Ngũ Hành Sơn, diện tích 20 ha) vốn đầu tư dự kiến 342 tỷ đồng; trường mầm non tại khu đất quy hoạch thuộc khu ở (Khu công nghệ cao Đà Nẵng); Trường đại học quốc tế (huyện Hòa Vang) tổng vốn đầu tư dự kiến 1.138 tỷ đồng; trường cao đẳng đào tạo lao động tay nghề cao theo chuẩn quốc tế và khu vực (huyện Hòa Vang) vốn đầu tư dự kiến 1.000 tỷ đồng.

- Lĩnh vực y tế có 04 dự án, trong đó dự án Trung tâm điều trị ung bướu quốc tế chất lượng cao quy mô 500 giường bệnh có tổng mức đầu tư dự kiến 11.000 tỷ đồng.

- Lĩnh vực du lịch, dịch vụ, thương mại có 11 dự án. Có các dự án đáng chú ý như bến du thuyền quốc tế (khu vực từ đường Bạch Đằng đến đường Như Nguyệt); chuyển đổi cảng Tiên Sa thành cảng du lịch; công viên bách thảo (huyện Hòa Vang, diện tích 200 ha); trung tâm mua sắm giải trí ngầm (quận Ngũ Hành Sơn, diện tích 3 ha) vốn đầu tư dự kiến 910,8 tỷ đồng; trường đua ngựa và trang trại nuôi ngựa (quận Liên Chiểu và huyện Hòa Vang) tổng mức đầu tư 4.554 tỷ đồng; khu phức hợp trung tâm tài chính, thương mại, vui chơi giải trí, casino và chung cư cao cấp (quận Sơn Trà, diện tích khoảng 61.767 m²); khu đô thị thông minh - phi thuế quan sườn đồi (huyện Hòa Vang, diện tích 850 ha)...

- Lĩnh vực văn hóa - thể thao có 04 dự án, trong đó có dự án nhà hát lớn thành phố có tổng mức đầu tư dự kiến 5.000 tỷ đồng; công viên văn hóa lịch sử Ngũ Hành Sơn, diện tích 92 ha, vốn đầu tư dự kiến 2.000 tỷ

đồng; khu liên hợp thể thao Hòa Xuân; trường quay Đà Nẵng...

- Lĩnh vực công nghệ thông tin, hạ tầng công nghiệp có 10 dự án. Trong đó, có khu công nghiệp (KCN) Hòa Cẩm giai đoạn 2, diện tích 120 ha, vốn đầu tư dự kiến 2.232,87 tỷ đồng; KCN Hòa Ninh 400 ha, 6.083,15 tỷ đồng; KCN Hòa Nhơn 360,1 ha, vốn đầu tư dự kiến 5.657,53 tỷ đồng. Công nghiệp công nghệ cao có 04 dự án. Trong đó có dự án thuộc lĩnh vực công nghệ hàng không, vũ trụ suất đầu tư 10 - 15 triệu USD/ha; công nghệ thiết kế, chế tạo robot suất đầu tư 8 - 15 triệu USD/ha; sản xuất chip, cảm biến sinh học suất đầu tư 10 - 15 triệu USD/ha... Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có 07 dự án đều ở huyện Hòa Vang.

- Lĩnh vực môi trường có 1 dự án.

- Lĩnh vực giao thông, cơ sở hạ tầng, logistics có 10 dự án, trong đó dự án cảng Liên Chiểu với tổng mức đầu tư dự kiến: nhà nước 3.426,3 tỷ đồng và tư nhân 3.951,8 tỷ đồng, dự án di dời ga đường sắt và tái thiết đô thị vốn đầu tư dự kiến 12.636 tỷ đồng, đường hầm qua sân bay Đà Nẵng tổng mức đầu tư dự kiến 8.228 tỷ đồng; dự án đầu tư các bãi đỗ xe khu vực trung tâm thành phố (số 10 Lý Thường Kiệt, 19 Lê Hồng Phong, đầu cầu Nguyễn Văn Trỗi); di dời ga đường sắt và tái phát triển đô thị. Đặc biệt, dự án hệ thống giao thông vận tải công cộng khối lượng lớn như hệ thống tàu điện ngầm, xe điện bánh sắt tramway tổng mức đầu tư

dự kiến 54.500 tỷ đồng; dự án tàu điện kết nối Đà Nẵng - Hội An vốn đầu tư dự kiến 7.497 - 14.995 tỷ đồng.

Vừa qua, UBND thành phố Đà Nẵng và các sở ban ngành đã hết sức hỗ trợ cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng tháo gỡ những khó khăn vướng mắc sau đại dịch COVID-19 để doanh nghiệp có thể triển khai các dự án. Trong 3 năm (từ 2019 đến nay) thực hiện chủ đề "Năm đẩy mạnh thu hút đầu tư", Đà Nẵng đã có nhiều ý tưởng và cách làm hay, mang lại hiệu quả rõ rệt. Đồng thời, thành phố đã kịp thời sửa đổi, ban hành nhiều chính sách hỗ trợ và thu hút đầu tư, đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, quy hoạch, đất đai và môi trường. Nhờ đó, môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện mạnh mẽ, các chỉ số quan trọng như Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index), Chỉ số sẵn sàng phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (ICT Index) luôn nằm trong top đầu cả nước.

Bên cạnh những kết quả tích cực, hoạt động thu hút FDI trong lĩnh vực dịch vụ của Đà Nẵng cũng còn những hạn chế, tồn tại cần sớm được giải quyết. Riêng 2020 là năm có nhiều khó khăn đối với thành phố. Dịch bệnh COVID-19 đã tác động mạnh mẽ đến nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu hút



vốn đầu tư. Cụ thể, GRDP giảm 9,77% so với năm 2019. Trong đó, khu vực dịch vụ giảm 8,21%, khu vực công nghiệp - xây dựng giảm 12,23%, riêng khu vực nông lâm nghiệp và thủy sản là khu vực duy nhất tăng trưởng ở mức 2,4% và nhiều hoạt động ngoại giao, xúc tiến đầu tư, quảng bá giới thiệu, ký kết hợp tác... phải trì hoãn hoặc hủy bỏ. Việc nhập cảnh của các chuyên gia, nhà đầu tư gặp không ít khó khăn và thời gian bị kéo dài do cách ly, kiểm tra y tế khiến việc kết nối, hợp tác hiệu quả không cao. Bên cạnh đó, một bộ phận không nhỏ cán bộ, công chức có tâm lý lo sợ, doanh nghiệp thì dè chừng, dẫn đến vướng mắc không được tháo gỡ, giải quyết, ảnh hưởng lớn đến tiến độ triển khai dự án và tâm lý của các nhà đầu tư. Nguồn vốn FDI chưa tạo được động lực phát triển nhanh, bền vững cho kinh tế địa phương. Nhiều dự án có quy mô nhỏ, công nghệ đơn giản, gây ô nhiễm môi trường. Trình độ công nghệ tuy cao hơn doanh nghiệp trong nước nhưng nhìn chung còn lạc hậu so với thế giới. Hiệu quả của các doanh nghiệp FDI còn thấp, giá trị gia tăng chưa cao, còn hiện tượng chuyển giá trong hoạt động đầu tư tạo ra môi trường cạnh tranh không lành mạnh.

Hiện tượng nhà đầu tư nước ngoài vi phạm những quy định về lao động còn phổ biến, như không có quy chế lao động phù hợp luật pháp, kéo dài thời gian tập sự, trả lương không đúng ngạch bậc theo quy định của pháp luật. Mặt khác, người sử dụng lao động, nhất là các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài còn thiếu hiểu biết luật pháp Việt Nam. Trong thực tế, vẫn còn nhiều nhà đầu tư cố tình không thực hiện đúng các quy định của luật pháp, có nhà đầu tư còn sử dụng lao động phổ thông, chưa qua đào tạo, vi phạm pháp luật về lao động Việt Nam. Đời sống người lao động làm việc trong các doanh nghiệp FDI chưa thật sự được đảm bảo. FDI đầu tư vào những ngành sử dụng nhiều lao động, dù thu nhập được cải thiện, song yếu tố giá cả thị trường, tình hình tăng ca, quyền lợi người lao động chưa được giải quyết thỏa đáng nên đã xảy ra tình trạng tranh chấp lao động tập thể, đình công, lãn công ở một số doanh nghiệp. Vấn đề này đã ảnh hưởng đến đời sống, thu nhập của người lao động và hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Những tổn hại gây ra cho môi trường như chất thải, ô nhiễm nguồn nước, không khí... trong nhiều doanh nghiệp FDI chưa được quan tâm đúng mức và chưa được khắc phục hiệu quả. Nguyên nhân một

phần do doanh nghiệp nhận thức vấn đề còn mang tính đối phó, một phần do các cơ quan quản lý nhà nước chưa có biện pháp hay chế tài cụ thể để xử lý nghiêm các doanh nghiệp gây ô nhiễm. Ngoài ra, việc tuyên truyền luật pháp của các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan thông tấn báo chí chưa được tiến hành thường xuyên, đúng đối tượng nên hiệu quả chưa cao.

3. Một số giải pháp thu hút FDI cho lĩnh vực dịch vụ nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững tại thành phố Đà Nẵng

Thứ nhất, để tăng cường thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn FDI, Đà Nẵng cần đẩy mạnh việc thu hút vốn FDI gắn liền với nâng cao hiệu quả trong phân bổ, sử dụng một cách hợp lý để phát huy cao nhất vai trò, tác dụng của FDI đối với sự phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững nền kinh tế địa phương. Tích cực hỗ trợ nhà đầu tư hiện hữu, tạo niềm tin của nhà đầu tư đối với chính sách của thành phố qua đó tranh thủ mời gọi các nhà đầu tư mới, các nhà đầu tư chiến lược. Bên cạnh đó, tiếp tục hỗ trợ các dự án đang hoạt động trên địa bàn mở rộng hoạt động kinh doanh, tăng vốn đầu tư và tích cực tìm kiếm các dự án tiềm năng nhằm làm cơ sở cho hoạt động xúc tiến và hỗ trợ đầu tư trong những năm tiếp theo. Đồng thời tiếp tục phối hợp triển khai các nhiệm vụ, giải pháp để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất, kinh doanh, bảo đảm cho doanh nghiệp ứng phó sau đại dịch COVID-19; rà soát, đánh giá hiệu quả và có đề xuất cụ thể đối với các chính sách triển khai không hiệu quả. Mặt khác, thành phố cần phối hợp với các bộ, ngành Trung ương để xuất chương trình, kế hoạch, lộ trình cụ thể xây dựng Đà Nẵng thành trung tâm y tế, giáo dục, văn hóa chất lượng cao của vùng.

Thứ hai, cần nâng cao nhận thức về vai trò của ngành dịch vụ trong nền kinh tế, xóa đi những suy nghĩ đơn giản xem dịch vụ chỉ là những hoạt động đơn thuần như cho thuê, sửa chữa, mua bán... Trên cơ sở nhận thức được tầm quan trọng của phát triển ngành dịch vụ trong nền kinh tế, các cấp chính quyền của thành phố cần xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phát triển ngành phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương trong xu hướng phát triển và hội nhập, đổi mới tư duy pháp lý phù hợp với tư duy pháp lý quốc tế. Theo đó, trước tiên cần chú ý đổi mới tư duy kinh tế, tư duy pháp lý, đổi mới phương pháp, tác phong, cách thức xử lý các vấn đề pháp lý - kinh tế - chính trị của các cơ quan nhà nước liên quan

đến ngành dịch vụ. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức và nhân dân vùng dự án trong việc thu hút và quản lý các dự án FDI, góp phần tạo môi trường đầu tư ngày càng thông thoáng.

Thứ ba, thu hút đầu tư vào các ngành dịch vụ chất lượng cao, các dự án dịch vụ (trung tâm thương mại, cửa hàng miễn thuế, trường quốc tế, bệnh viện quốc tế...), góp phần đẩy nhanh tốc độ tái cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh hoạt động xúc tiến đầu tư tại các thị trường quan trọng nhằm thu hút làn sóng đầu tư; tiếp cận và mời gọi các công ty xuyên quốc gia, các nhà đầu tư chiến lược, có năng lực về tài chính, công nghệ tiên tiến như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Hoa Kỳ..., nhất là trong bối cảnh các quốc gia, doanh nghiệp, nhà đầu tư trên thế giới có xu hướng dịch chuyển thị trường sau tác động của đại dịch COVID-19. Bên cạnh đó, phải thận trọng trong công tác cấp phép đầu tư, chỉ cấp phép đối với các dự án đảm bảo khai thác tài nguyên thiên nhiên có công nghệ cao, trình độ quản lý tốt và uy tín, hạn chế tối đa việc cấp phép cho những dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và những dự án không phù hợp với quy hoạch phát triển của thành phố, có nguy cơ gây mất cân bằng cơ cấu kinh tế. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đầu tư theo hướng tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm cơ chế “một cửa, một đầu mối” trong công tác xúc tiến đầu tư tại Trung tâm Xúc tiến đầu tư, phát huy vai trò, chức năng của cơ quan trực thuộc UBND thành phố. Nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ phận chuyên trách trong Trung tâm Xúc tiến đầu tư để giải quyết tốt nhất các thủ tục liên quan cho nhà đầu tư.

Thứ tư, ưu tiên chọn đối tác doanh nghiệp FDI từ những nước phát triển có tiêu chuẩn môi trường cao, nơi có quy định chặt chẽ về công tác bảo vệ môi trường. Bởi những doanh nghiệp này không chỉ có khả năng sử dụng các công nghệ sạch và các biện pháp bảo vệ môi trường tốt mà còn có thể tạo được sự liên kết chặt chẽ giữa hoạt động đầu tư nước ngoài và nước chủ nhà như: chuyển giao tri thức, kinh nghiệm và công nghệ sạch cho các doanh nghiệp của thành phố. Bên cạnh đó, cần thể chế hóa các công cụ kinh tế để khuyến khích doanh nghiệp FDI có thái độ thân thiện với môi trường, hướng đến nâng cao ý thức trách nhiệm của chủ đầu tư để họ luôn phải cố gắng sử dụng công nghệ xử lý hiện đại, góp phần bảo vệ môi trường, xả thải ít nhất, chú không phải chỉ

cần không vi phạm quy định về môi trường là đủ. Bên cạnh đó, tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư sau cấp phép, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành đối với các dự án đầu tư; tiến hành rà soát, phân loại và xử lý theo quy định của pháp luật đối với các dự án chậm triển khai hoặc không triển khai thực hiện...

Thứ năm, nâng cao hiệu quả vốn đầu tư, không đầu tư dàn trải mà tạo đà cho nền kinh tế dịch vụ phát triển, đồng thời kiểm soát được các luồng vốn đầu tư bảo đảm về lợi ích kinh tế, chuyển giao công nghệ, lợi ích phát triển xã hội và bảo vệ môi trường thiên nhiên. Bên cạnh đó, cần rà soát lại các chính sách về đầu tư kinh doanh để sửa đổi các nội dung không đồng bộ, thiếu nhất quán; cung cấp thông tin sửa đổi đầy đủ, kịp thời đến các doanh nghiệp FDI và tư vấn cho họ các quy định thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường trong quá trình đầu tư. Mặt khác, nhằm đảm bảo thu hút được dòng FDI thực sự sạch cho nền kinh tế, thành phố cần thực hiện mạnh mẽ các chính sách ưu đãi về vay vốn, lãi suất, thuế... đối với những dự án thân thiện với môi trường, những lĩnh vực dịch vụ có chất lượng cao hướng đến tạo dựng một nền kinh tế ít cacbon, phù hợp với danh hiệu thành phố xanh - sạch - đẹp - “thành phố môi trường”.

L.T.K.H.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Thị Khanh. 2012. *Phát triển kinh tế dịch vụ Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế*. Hà Nội: Chính trị quốc gia.
2. Nguyễn Mai. 2012. “Đầu tư trực tiếp nước ngoài với phát triển bền vững ở Việt Nam”. Kỳ yếu hội thảo *Chính sách thương mại nhằm phát triển bền vững ở Việt Nam*. Bộ Công thương. 39-48.
3. Bùi Tất Thắng. 2010. “Phát triển kinh tế nhanh và bền vững - Một số vấn đề lý luận”. *Nghiên cứu kinh tế* (386). 3-14
4. Mutrap. 2009. Báo cáo *Chiến lược tổng thể phát triển ngành dịch vụ tới năm 2020 và tầm nhìn tới năm 2025*. Hà Nội.
5. Nguyễn Hồng Sơn. 2009. “Phát triển ngành dịch vụ ở các nền kinh tế chuyển đổi và hội nhập”. *Những vấn đề kinh tế và chính trị thế giới*. 28-37.